TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Kiên Nhẫn

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 497/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Trúc H**, sinh năm 1994 – có mặt

Nơi cư trú: Số A, khu phố B, phường C, Thành Phố D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Ú,** sinh năm 1991 – vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã E, huyện F, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị H trình bày:

Chị H và anh Ú hai người đám cưới vào ngày 15/12/ 2015dl, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới hỏi đáng hoàng, được cha mẹ hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian

vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 02 năm thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ly thân sau cùng từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi với nhau, anh Ú và chị H không quan tâm đến đời sống của nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên vợ chồng ly thân đến nay không về đoàn tụ được.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú; Về con chung: Chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ú đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của chị H.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Nguyễn Văn Ú đã được Tòa án tống đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho anh Ú đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Ú không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú; Về con chung: Chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Nguyễn Văn Ú vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị H và anh Ú kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh Vĩnh Long

là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ú là có cơ sở xem xét.

Bởi vì: Theo chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cự cãi. Hơn nữa, chị H và anh Ú không quan tâm đến suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của nhau lâu dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hiện nay chị H đã về Bến Tre sống vợ chồng không liên lạc với nhau nên không thể hàn gắn trở về đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay anh Ú vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh Ú đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng anh Ú vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của chị H thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay chị H đã xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Ú không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Ú đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Ú là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Xét về con chung: Chưa có con chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Xét về tài sản chung: Do anh Ú vắng mặt, chị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Do anh Ú vắng mặt, chị H trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai và ngược lại không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Trúc H phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0011384, ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Trúc H;

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Trúc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú;

- Về con chung: Chưa có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

- Xét về tài sản chung: Do anh Ú vắng mặt, chị Hiền không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

- Xét về nợ chung: Do anh Ú vắng mặt, chị Hiền không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Trúc H phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0011384, ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- UBND xã Phú Lộc: 01
- Đương sự
- Lưu: 03

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Tuyết Sương